



ISO 9001:2008
TUV NORD CERTIFIED

TECHGEL®

CÔNG TY CP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, P. 2, Q. Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam Tel.: (84.8) 35107030 Fax: (84.8) 35107028
Email: techgel@techgel.com Website: www.techgel.com

MÃ SỐ THUẾ: 0302887211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/09/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TÓAN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		179 915 687 619	108 785 146 586
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10 743 071 011	2 885 961 380
1. Tiền	111	V.01	10 743 071 011	2 885 961 380
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	200 000 000	200 000 000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		200 000 000	200 000 000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu	130		125 284 119 531	92 384 322 787
1. Phải thu khách hàng	131		103 346 950 381	88 430 905 953
2. Trả trước cho người bán	132		21 771 389 675	3 952 819 309
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	165 779 475	597 525
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		31 328 555 294	10 050 887 746
1. Hàng tồn kho	141	V.04	31 328 555 294	10 050 887 746
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12 359 941 783	3 263 974 673
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4 413 255 305	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1 595 100 212	84 401 406
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	1 227 099 773	1 819 828 685
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		5 124 486 493	1 359 744 582
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		106 981 578 460	104 934 254 641
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		96 727 376 907	94 533 791 235
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	3 621 324 900	1 422 989 226
- Nguyên giá	222		5 209 100 497	2 797 232 676

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1 587 775 597)	(1 374 243 450)
2. TSCD thuế tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCD vô hình	227	V.10	93 106 052 007	93 110 802 009
- Nguyên giá	228		93 143 358 055	93 143 358 055
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(37 306 048)	(32 556 046)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	5 574 201 553	5 720 463 406
- Nguyên giá	241		5 850 473 942	5 850 473 942
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(276 272 389)	(130 010 536)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4 680 000 000	4 680 000 000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	4 680 000 000	4 680 000 000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔ CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		286 897 266 079	213 719 401 227
A. Nợ phải trả (300=310+320)	300		203 123 444 190	129 345 107 928
I. Nợ ngắn hạn	310		170 993 444 190	96 702 107 928
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	103 000 508 702	59 344 810 031
2. Phải trả người bán	312		14 827 204 158	23 145 767 642
3. Người mua trả tiền trước	313		45 246 482 975	306 098 490
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	36 542 137	30 516 012
5. Phải trả người lao động	315		547 345 382	1 223 436 000
6. Chi phí phải trả	316	V.17	598 445 797	2 062 949 880
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD XD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2 186 371 407	6 400 558 202
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	4 550 543 632	4 187 971 671
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
II. Nợ dài hạn	330		32 130 000 000	32 543 000 000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			

4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	32 130 000 000	32 643 000 000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		83 773 821 889	84 374 293 299
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	83 773 821 889	84 374 293 299
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40 000 000 000	40 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32 241 661 000	32 241 661 000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(333 150 000)	(273 150 000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển (bổ sung VDL)	417		3 658 717 551	3 272 143 241
8. Quỹ dự phòng tài chính (bổ sung VDL)	418		1 724 254 585	1 337 680 276
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6 482 338 753	7 795 958 782
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420			
1. Quỹ khác	421			
2. Nguồn kinh phí	422	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423			
Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)	430		286 897 266 079	213 719 401 227
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán				
1. Tài sản thuê ngoài		24		
2. Vật tư, hàng hóa giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại (USD)			27 204,32	1 231,58
6. Ngoại tệ các loại (EUR)			2 151,98	34 072,64
7. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Người lập biểu



Phạm Văn Huy

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Sơn

Ngày 15 tháng 10 năm 2011

Tổng Giám đốc



Đặng Công Ngôn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TỪ 01/01/2011 ĐẾN 30/09/2011

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	1	VI.25	76 686 302 044	102 329 744 334
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			2 736 317 487
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		76 686 302 044	99 593 426 847
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	54 737 905 410	81 224 795 535
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)	20		21 948 396 634	18 368 631 312
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	440 534 166	364 637 798
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	10 903 453 545	11 989 428 972
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10 706 490 225	11 373 740 055
8. Chi phí bán hàng	24		433 631 279	331 322 729
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6 258 893 315	11 571 995 854
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		4 792 952 661	(5 159 478 445)
11. Thu nhập khác	31		10 243 460	31 057 955 756
12. Chi phí khác	32			15 234 617 100
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		10 243 460	15 823 338 656
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4 803 196 121	10 663 860 211
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (51=50 x 25%)	51	VI.31	592 728 912	2 932 374 020
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-51.1)	60		4 210 467 209	7 731 486 191
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1 057	1 940

Người lập biểu



Phạm Văn Huy

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Sơn

Ngày 15 tháng 10 năm 2011

Tổng Giám đốc



Đặng Công Ngôn

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	1		4 803 196 121	10 663 860 211
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	2	V.8,9,11	364 544 002	401 080 037
-	Các khoản dự phòng	3			
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			(48 054 700)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	VI.7,8	(440 534 166)	(11 729 496 080)
-	Chi phí lãi vay	6		10 706 490 225	11 373 740 055
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8		15 433 696 182	10 661 129 523
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	9		27 171 932 493	16 468 394 463
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21 277 667 548)	(1 437 818 359)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(30 288 992 438)	(23 980 253 984)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8 338 637)	29 048 677
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(15 111 406 893)	(11 373 740 055)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16		(6 624 741 495)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3 606 793 159	35 041 490 946
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11 237 045 048)	(24 204 795 010)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(31 711 028 730)	(5 421 285 294)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(9 280 793 465)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				8 000 000 000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác				
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác				
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.12		(4 680 000 000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			300 000 000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		398 784 940	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		398 784 940	(5 660 793 465)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.22	(80 000 000)	(253 650 000)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13,21	123 093 193 475	122 475 819 174
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13,21	(79 950 494 804)	(107 105 509 030)
5.	<i>Tiền chi trả nợ thu tài chính</i>	35			
6.	<i>Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu</i>	36	V.22	(3 913 345 250)	(5 997 050 000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		39 169 353 421	9 119 610 144

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011

Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7 857 109 631	(1 962 468 615)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2 885 961 380	4 812 379 036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			36 050 959
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10 743 071 011	2 885 961 380

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2011

Phạm Văn Huy
Người lập biểuNguyễn Hoàng Sơn
Kế toán trưởng
Đặng Công Ngôn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đền quý 3 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ - thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh : Tư vấn, thiết kế, giám sát, thẩm định, kiểm định các dự án về lĩnh vực: cơ khí, điện trung và hạ thế từ 35 KV trở xuống, điện tử, điện lạnh, môi trường, xây dựng công nghiệp và các cơ sở hạ tầng, mạng máy vi tính, internet, tổng đài, phát thanh và truyền hình, báo cháy, camera giám sát, phần mềm quản lý doanh nghiệp, phần mềm điều khiển quy trình sản xuất, chuyển giao công nghệ; Nhà thầu cung cấp, xây lắp trọn gói hoặc từng phần các lĩnh vực: cơ khí, điện trung và hạ thế từ 35 KV trở xuống, điện tử, điện tự động điều khiển sản xuất, tin học, nhiệt - lạnh, môi trường, cấp thoát nước, xây lắp và các nhà máy công nghiệp, nông lâm thủy hải sản, y tế, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư, các nhà máy chế biến lương thực;
Kinh doanh các mặt hàng cơ khí, điện trung hạ thế, điện tử, điện lạnh, máy tính, hàng tiêu dùng công nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ 9 của Công ty.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04
Tài sản cố định khác	03 – 04

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm. Riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 năm.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi số được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thời việc.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2010: 18.932 VND/USD
30/09/2011: 20.830 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	117.445.398	48.210.169
Tiền gửi ngân hàng	10.625.625.613	2.837.751.211
Cộng	<u>10.743.071.011</u>	<u>2.885.961.380</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản cho Công ty Xây lắp và Công nghiệp Tàu thủy Miền Trung vay.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	103.346.950.381	88.430.905.953
Khách hàng nước ngoài	-	-
Cộng	<u>103.346.950.381</u>	<u>88.430.905.953</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	10.642.989.564	3.952.819.309
Nhà cung cấp nước ngoài	11.128.400.111	-
Cộng	<u>21.771.389.675</u>	<u>3.952.819.309</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải thu khác	165.779.475	597.525
Cộng	<u>165.779.475</u>	<u>597.525</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	77.065.073	17.107.650
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.018.063.281	9.800.353.156
Hàng hóa	233.426.940	233.426.940
Cộng	<u>31.328.555.294</u>	<u>10.050.887.746</u>

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

8. Tài sản ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	546.342.450	158.907.500
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.578.144.043	1.200.837.082
Cộng	<u>5.124.486.493</u>	<u>1.359.744.582</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.036.549.340	475.151.040	458.902.000	726.010.996	100.619.300	2.797.232.676
Mua sắm mới	-	30.804.546	2.260.000.000	121.063.275	-	2.411.867.821
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.036.549.340	505.955.586	2.718.902.000	847.074.271	100.619.300	5.209.100.497
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	458.902.000	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	90.698.076	205.948.847	458.902.000	562.707.627	55.986.900	1.374.243.450
Khấu hao trong năm	38.870.804	53.204.997	28.904.762	78.278.581	16.276.203	213.532.147
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	129.568.880	259.150.844	485.806.762	640.986.208	72.263.103	1.587.775.597
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	945.851.264	300.006.739	-	227.630.644	44.632.400	1.518.121.047
Số cuối năm	906.980.660	246.804.742	2.233.095.238	206.088.063	28.356.197	3.621.324.900

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	93.103.884.355	39.473.700	93.143.358.055
Mua sắm mới	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	93.103.884.355	39.473.700	93.143.358.055
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	32.556.046	32.556.046
Khấu hao trong năm	-	4.750.002	4.750.002
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	-	37.306.048	37.306.048
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	93.103.884.355	6.917.654	93.110.802.009
Số cuối năm	93.103.884.355	2.167.652	93.106.052.007

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	5.850.473.942
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-
Số cuối năm	5.850.473.942
Giá trị hao mòn	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	
Số đầu năm		130.010.536
Khấu hao trong năm		146.261.853
Số cuối năm		276.272.389
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		5.720.463.406
Số cuối năm		5.574.201.553

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	249.026.194	222.888.151
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	146.261.853	130.010.536
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

Tồn bộ giá trị bất động sản đầu tư được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Á

12. Đầu tư vào công ty liên kết

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309709722 ngày 26 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn 39 tỷ VND, tương đương 39 % vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4,68 tỷ VND, tương đương 39% vốn điều lệ.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	103.000.508.702	59.344.810.031
- Ngân hàng TMCP Việt Á ^(a)	60.265.497.000	55.936.099.492
- Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN TP. HCM	42.735.011.702	3.408.710.539
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	103.000.508.702	59.344.810.031

(a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Á để bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản căn nhà số 95 đường Điện Biên Phủ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Căn nhà số 30 Phan Chu Trinh, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	59.344.810.031	46.617.499.887
sinh trong năm	66.703.071.773	119.775.819.174
Số tiền vay đã trả trong năm	(45.958.036.883)	(107.048.509.030)

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>		
Số cuối năm	80.089.845.121	59.344.810.031		
14. Phải trả người bán				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Nhà cung cấp trong nước	6.011.665.752	14.455.004.954		
Nhà cung cấp nước ngoài	8.815.538.406	8.690.762.688		
Cộng	14.827.204.158	23.145.767.642		
15. Người mua trả tiền trước				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Khách hàng trong nước	45.246.482.975	306.098.490		
Khách hàng nước ngoài	-	-		
Cộng	45.246.482.975	306.098.490		
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-1.333.156.321	(1.333.156.321)	
Thuế tiêu thụ đặc biệt		-		
Thuế xuất nhập khẩu	2.811.402	6.259.232	(9.070.634)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.819.828.685)	592.728.912		(1.227.099.773)
Thuế thu nhập cá nhân	27.704.610	430.640.491	(421.802.964)	36.542.137
Các loại thuế khác		-	(4.000.000)	
Cộng	(1.789.312.673)	2.366.784.956	(1.768.029.919)	(1.190.557.636)

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở khoản mục Thuế và các khoản phải thu khác Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu :	0 %
- Các mặt hàng cung cấp không lắp đặt:	5 %
- Hoạt động xây lắp, cung cấp lắp đặt hàng điện tử và thiết bị văn phòng:	10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.803.196.121	10.313.322.323
Trong đó:		
Lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		11.729.496.080

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh	4.803.196.121	(1.416.173.757)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.416.173.757	-
Thu nhập tính thuế	3.387.022.364	10.313.322.323
Trong đó:		
Lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		11.729.496.080
Lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh	3.387.022.364	(1.416.173.757)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	846.755.591	2.932.374.020
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm 30% theo NQ số 08/2011/QH13	254.026.679	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	592.728.912	2.932.374.020
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		
17. Phải trả người lao động		
Tiền lương tháng 9 năm 2011.		
18. Chi phí phải trả		
Các khoản trích trước chi phí công trình.		
19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	14.415.288	11.335.248
Tiền mượn thành viên Hội đồng quản trị	1.990.000.000	6.200.000.000
Phải trả phải nộp khác	181.956.119	189.222.954
Doanh thu chưa thực hiện	2.301.910.892	
Cộng	4.488.282.299	6.400.558.202
20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.187.971.671	3.031.523.228
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	773.148.619	1.435.066.943
Chi quỹ trong năm	(410.876.658)	(278.618.500)
Số cuối năm	4.550.543.632	4.187.971.671
21. Vay và nợ dài hạn		
Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Á để đầu tư mua sắm tài sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ		

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

số 95 đường Điện Biên Phủ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và số 30 Phan Chu Trinh, quận Bình Thạnh, TP. HCM.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	32.130.000.000
Tổng nợ	32.130.000.000

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	32.643.000.000	30.000.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm		2.700.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(513.000.000)	(57.000.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Số cuối năm	32.130.000.000	32.643.000.000

22. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 28.

Cổ tức

Chi tiết cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	3.977.790.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	
Cộng	3.977.790.000

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành cho Cổ đông hiện hữu.	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(22.210)	(18.210)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.977.790	3.981.790
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.790	3.981.790
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	76.686.302.044	102.329.744.334
Doanh thu hoạt động xây lắp	68.058.828.250	101.567.862.826
Doanh thu hoạt động thương mại	8.378.447.600	538.993.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ	249.026.194	222.888.151
Cc khoản giảm trừ doanh thu:	-	(2.736.317.487)
Hàng bán bị trả lại	-	(5.390.013)
Giảm giá hàng bán	-	(2.730.927.474)
Doanh thu thuần	<u>76.686.302.044</u>	<u>99.593.426.847</u>
Trong đó:		
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	68.058.828.250	98.836.935.352
Doanh thu thuần hoạt động thương mại	8.378.447.600	533.603.344
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	249.026.194	222.888.151

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động xây lắp, cung cấp dịch vụ	48.078.161.079	80.118.678.292
Giá vốn hoạt động thương mại	6.513.482.478	976.106.707
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	146.261.853	130.010.536
Cộng	<u>54.737.905.410</u>	<u>81.224.795.535</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	329.085.020	187.253.267
Lãi cho vay	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	111.449.146	129.329.831
Cộng	<u>440.534.166</u>	<u>316.583.098</u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.708.490.225	11.373.740.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	196.963.320	918.172.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	<u>10.903.453.545</u>	<u>12.291.912.160</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	-	57.922.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	232.817.971	205.536.036
Chi phí khác	200.813.308	67.863.773

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	433.631.279	331.322.729
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.602.433.941	8.972.608.989
Chi phí dụng cụ, vật liệu quản lý	48.467.727	37.346.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.282.149	271.069.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.145.714.631	1.723.498.674
Chi phí khác	247.054.867	567.472.445
Cộng	6.261.953.315	11.571.995.854
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt chậm thanh toán, vi phạm Hợp đồng	4.343.460	3.119.905.035
Thanh lý Tài sản cố định		25.000.000.000
Thu nhập khác	5.900.000	2.938.050.721
Cộng	10.243.460	31.057.955.756
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý		13.270.503.920
Phạt do trễ tiến độ thực hiện hợp đồng		1.136.900.000
Chi phí khác		827.213.180
Cộng		15.234.617.100
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.210.467.209	7.380.948.303
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.210.467.209	7.380.948.303
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	3.981.790	3.985.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.057	1.852
(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.981.790	3.998.700
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ mua lại		(13.296)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.981.790	3.985.404

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 thng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.498.472.129	78.082.841.631
Chi phí nhân công	6.957.437.926	9.088.077.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	364.544.002	401.080.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.114.718.948	5.976.293.644
Chi phí khác	680.686.146	635.336.218
Cộng	82.615.859.151	94.981.310.634

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình, các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Vay tiền bổ sung vốn kinh doanh		9.200.000.000
Trả tiền vay	4.210.000.000	3.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng Quản trị		
Tiền vay còn phải trả	1.990.000.000	6.200.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	517.359.800	660.185.620
Tiền thưởng	128.454.000	86.086.000
Thu nhập khác	54.873.000	36.000.000
Cộng	700.686.800	782.271.620

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm 2010 Công ty chỉ phát sinh nghiệp vụ với Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn	4.680.000.000	4.680.000.000
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất		25.000.000.000
Cho thuê văn phòng	249.026.194	367.866.681
Mua dịch vụ	442.240.385	175.778.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	--------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất	16.500.000.000	17.000.000.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua dịch vụ từ bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm nay.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2011

Phạm Văn Huy
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Sơn
Kế toán trưởng

Đặng Công Ngôn
Tổng Giám đốc

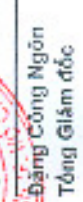
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
 Địa chỉ: 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND							
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	40 000 000 000	32 241 661 000	(19 500 000)	-	2 837 076 298	1 620 146 805	7 649 189 948	84 328 574 051
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	(253 650 000)	-	-	-	-	(253 650 000)
Tăng vốn từ thặng dư vốn, các quỹ và lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	7 731 486 191	7 731 486 191
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	1 435 066 943	717 533 471	(3 587 667 357)	(1 435 066 943)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(5 997 050 000)	(5 997 050 000)
Các khoản khác	-	-	-	-	(1 000 000 000)	(1 000 000 000)	2 000 000 000	-
Số dư cuối năm trước	40 000 000 000	32 241 661 000	(273 150 000)	-	3 272 143 241	1 337 680 276	7 795 958 782	84 374 293 289
Số dư đầu năm nay	40 000 000 000	32 241 661 000	(273 150 000)	-	3 272 143 241	1 337 680 276	7 795 958 782	84 374 293 289
Tăng vốn năm	-	-	-	-	386 574 310	386 574 309	-	773 148 619
Chi mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	(60 000 000)	-	-	-	-	(60 000 000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	4 210 467 209	4 210 467 209
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(1 546 297 238)	(1 546 297 238)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(3 977 790 000)	(3 977 790 000)
Các khoản khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	40 000 000 000	32 241 661 000	(333 150 000)	-	3 658 717 551	1 724 254 585	6 462 338 763	83 773 821 889


 Phạm Văn Huy
 Người lập biểu


 Nguyễn Hoàng Sơn
 Kế toán trưởng




 Tổng Giám đốc